

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10-AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2025/DS-ST

Ngày: 29-8-2025

V/v “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10-AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Linh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Quế Minh;

2. Ông Liêu Văn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10-An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10-An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 83/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2025 về việc: “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2025/QĐXXST-DS ngày 14/7/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Phước X, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt);

CCCD: 089083004509 cấp ngày 16/10/2022

Cư trú: Số 98, tổ 3, ấp Mỹ Hóa 3, xã Tân Hòa, huyện Phú Tân, An Giang.

Nay là: Số 98, tổ 3, ấp Mỹ Hóa 3, xã Phú Tân, An Giang.

Điện thoại: 0971.505.030

2. Bị đơn: Bà Dương Thị Bạch T, sinh năm 1959 (vắng mặt);

CCCD số: 079159018249 cấp ngày 09/5/2022

Cư trú: Tổ 4, ấp Hòa Phú 2, thị trấn An Châu, Châu Thành, An Giang.

Nay là ấp Hòa Phú 2, xã An Châu, An Giang.

Điện thoại: 0913.658.697

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ cũng như tại phiên

tòa, nguyên đơn anh Lê Phước X trình bày:

Do có quen biết nên ngày 16 tháng 10 năm 2024, anh có cho bà T vay số tiền 440.000.000 đồng (*Bốn trăm bốn mươi triệu đồng*). Thời hạn vay là 01 tháng, mục đích vay là kinh doanh và sinh hoạt gia đình, lãi suất là 3%/tháng. Khi vay anh đã giao đủ tiền, anh đưa tiền mặt trực tiếp cho bà T. Sau khi nhận tiền, hai bên có làm biên nhận nhận tiền ngày 16/10/2024. Biên nhận do anh làm, bà T trực tiếp ký tên vào.

Đến khi hết thời hạn vay (tức ngày 16 tháng 11 năm 2024), bà Dương Thị Bạch T không trả lãi và vốn gốc cho anh như lời đã hứa nên anh có gặp bà T để đòi lại số tiền trên, nhưng bà T vẫn không thực hiện theo thỏa thuận và cố tình trốn tránh.

Do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh, nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Dương Thị Bạch T có nghĩa vụ trả cho anh số tiền vốn 440.000.000 đồng (*Bốn trăm bốn mươi triệu đồng*) và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 16/10/2024 cho đến ngày Tòa án xét xử.

Do bận công việc nên anh X có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

* *Đối với bị đơn bà Dương Thị Bạch T*: Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn bà T vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như vắng mặt tại các phiên tòa. Đồng thời, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn: Có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10-An Giang phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ *Về việc giải quyết vụ án*: Bị đơn đã vay của nguyên đơn số tiền 440.000.000 đồng theo biên nhận nợ đề ngày 16/10/2024. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà T có trách nhiệm trả cho anh X số tiền 440.000.000 đồng và lãi suất theo quy định. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền còn thiếu. Bị đơn cư trú tại xã A, An Giang Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của

Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10-An Giang.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[3] *Về nội dung*: Tại biên nhận vay tiền đề ngày 16/10/2024 thể hiện bị đơn bà T có vay của anh X số tiền là 440.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất 3%/tháng, biên nhận có chữ ký xác nhận của bà T. Sau khi hết thời hạn vay, bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên hai bên phát sinh tranh chấp. Hội đồng xét xử xét thấy, có đủ cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập hợp đồng vay tài sản, số tiền vay là 440.000.000 đồng. Xét hình thức và nội dung của Biên nhận vay tiền xuất phát từ sự tự nguyện và không trái quy định của pháp luật nên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ theo luật định. Theo thỏa thuận, bị đơn bà T phải có nghĩa vụ trả nợ cho anh X số tiền nêu trên và lãi suất theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đều vắng mặt và không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, mặc dù bị đơn trực tiếp ký nhận các văn bản tố tụng. Tại Phiếu xác minh ngày 17/7/2025 của Tòa án thể hiện bị đơn vẫn đang đăng ký thường trú tại địa chỉ nêu trên. Do vậy, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai theo luật định, nhưng không tiến hành lấy lời khai được, do bị đơn vắng mặt tại nhà vào thời điểm Tòa án đến.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình được pháp luật bảo vệ, nên Hội đồng xét xử xem xét các chứng cứ theo quy định.

Xét thấy, việc vay mượn tiền giữa các bên thực tế có xảy ra. Hiện tại, bị đơn vẫn chưa thanh toán khoản tiền nào cho nguyên đơn. Do bị đơn bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền 440.000.000 đồng là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp quy định. Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] *Về lãi suất*: Bị đơn chậm thanh toán số tiền đã vay thì có trách nhiệm trả lãi theo luật định. Nguyên đơn xác định từ khi vay đến nay, bị đơn chưa trả vốn và lãi. Nguyên đơn yêu cầu xem xét tính lãi suất từ ngày 16/10/2024 cho đến ngày Tòa án xét xử. Số tiền lãi từ ngày 16/10/2024 đến ngày 29/8/2025 là 10 tháng 13 ngày (tức 313 ngày), cụ thể:

$$440.000.000 \text{ đồng} \times 0,0005479\% \times 313 \text{ ngày} = 75.457.000 \text{ đồng.}$$

$$\text{Tổng số tiền vốn và lãi là } 440.000.000 \text{ đ} + 75.457.000 \text{ đ} = 515.457.000 \text{ đồng}$$

Như vậy, bị đơn bà Dương Thị Bạch T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là: 515.457.000 đồng (*Năm trăm mười lăm triệu, bốn trăm năm mươi bảy nghìn đồng*).

[5] *Về án phí sơ thẩm*: Do yêu cầu khởi kiện của anh X được chấp nhận nên anh không phải chịu án phí. Bị đơn bà T thuộc trường hợp người cao tuổi. Tuy nhiên, quá trình tố tụng, bà T không gửi đơn yêu cầu miễn nộp tạm ứng án phí, án phí theo luật định nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 179, Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015;
- Điều 12 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Phước X.

Buộc bà Dương Thị Bạch T phải có nghĩa vụ trả cho anh Lê Phước X số tiền là 515.457.000 đồng (*Năm trăm mười lăm triệu, bốn trăm năm mươi bảy nghìn đồng*). Trong đó số tiền vốn gốc là 440.000.000 đồng (*Bốn trăm bốn mươi triệu đồng*), lãi suất là 75.457.000 đồng (*Bảy mươi lăm triệu, bốn trăm năm mươi bảy nghìn đồng*).

2. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc bà Dương Thị Bạch T phải chịu 24.619.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu, sáu trăm mười chín nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Lê Phước X không phải chịu án phí nên được hoàn lại 11.642.000 đồng (*Mười một triệu, sáu trăm bốn mươi hai nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo phiếu thu số 0008218 ngày 16/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, An Giang. Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10-An Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND KV 10-An Giang;
- THADS KV 10-An Giang;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Mỹ Linh

